TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày: 28/9/2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường;

2. Ông Bạch Đình Ca.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại phòng xử án B, trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2021/TLST-DS ngày 16/10/2021 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 24/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị M, phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ - chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ (Văn bản ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vũ Anh H, sinh năm 1974 - chức vụ: Giám đốc quan hệ khách hàng cá nhân cao cấp - Chi nhánh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền số 975/UQ-QLN.21 ngày 22/6/2021)

Địa chỉ: 152 - 154 Y . Phường Thắng L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Trịnh Hữu Th, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 08, xã Ea N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đình Th, sinh năm 1950 và bà Thái Thị Đ, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Thôn 08, xã Ea N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Vũ Anh H trình bày:**

Ngày 07/12/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A-Chi nhánh Đắk Lắk với ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q thực hiện việc ký hợp đồng tín dụng số DAL.CN.328.071218 để cho ông Th và bà Q vay số tiền gốc: 200.000.000 đồng; lãi suất tháng đầu tiên 10%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Th và bà Q đã thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 12313đ và 12313, tờ bản đồ số 63 tại thôn 08, xã Ea N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 545197 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/9/2002 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.463.301117 ngày 04/12/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà Th chưa trả được khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông, bà có trách nhiệm thanh toán nợ vay đã quá hạn nhưng từ khi vay cho tới nay ông Q và bà Th vẫn không trả. Hiện tại hai người không có mặt tại nơi cư trú. Do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 28/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền nợ vay tổng cộng là 267.701.319 đồng; trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 5.227.397 đồng; tiền lãi quá hạn 38.392.329 đồng, lãi phạt 24.081.593 đồng và tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Th, bà Q không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp sử dụng theo hiện trạng thực tế để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Đối với bị đơn ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q:**

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn xác định ông Q và bà Th đã bỏ đi khỏi địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác nhận ông Quý và bà Thảo đã đi khỏi địa phương tại biên bản xác minh ngày 15/6/2021. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định pháp luật cho ông Th và bà Q

biết để tham gia tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông Th, bà Q không tham gia tố tụng và cũng không có tin tức phản hồi gì.

*** Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình T và bà Thái Thị Đ trình bày:**

Năm 2008 vợ chồng ông T, bà Đ mua của ông Trịnh Hữu T diện tích đất 600 m^2 thuộc thửa đất số 12313, tờ bản đồ số 63 tại thôn 08, xã Ea Ning với giá tiền 16.000.000 đồng và ông, bà đã giao đủ tiền, ông T đã giao đất cho ông, bà đúng như diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi hai bên thực hiện việc mua bán thì chỉ viết bằng giấy tờ tay. Khi mua thửa đất này vợ chông ông, bà biết đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do tin tưởng hàng xóm nên cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục sang tên mà hiện nay đất này do ông Trịnh Hữu Th đứng tên do được ông Trịnh Hữu Ngh là bố đẻ tặng cho nhưng trên thực tế vợ chồng ông, bà đang sử dụng từ năm 2008 cho đến nay.

Nay Ngân hàng khởi kiện ông Th, bà Q về việc vay nợ thì ông, bà không có ý kiến gì nhưng Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số 12313 thì ông, bà không đồng ý; còn đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 12313đ thì ông, bà không có ý kiến gì, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông, bà không có yêu cầu gì khác, nếu có yêu cầu thì ông, bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Hiện tại vợ chồng ông Trịnh Hữu T, bà Nguyễn Thị Ng và ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q địa chỉ ở đâu, làm gì thì ông, bà không biết vì những người này đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2019. Do điều kiện ở xa và đi lại khó khăn nên ông, bà đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt ông, bà.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tại phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS) Tại phiên toà Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự. (vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tiến hành)

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; luật Tổ chức Tín dụng, luật Đất đai. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ vay tổng cộng tính đến ngày 28/9/2021 là 267.701.319 đồng, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 5.227.397 đồng; tiền lãi quá hạn 38.392.329 đồng, lãi phạt 24.081.593 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong trường hợp ông Q và bà Th không thanh toán được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày của những người tham gia tố tụng, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tài sản thế chấp tọa lạc tại địa phương này nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn; đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng ông Th và bà Q không có tin tức phản hồi gì, vắng mặt tại các phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt ông Th, bà Q và ông Th, bà Đ.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tài sản được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 (ghi BLDS). Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên phải được thực hiện và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng cấp tín dụng và khế ước nhận nợ số DAL.CN.328.071218 ngày 07/12/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xác định ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q là vợ chồng có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A khoản tiền gốc: 200.000.000 đồng; lãi suất tháng đầu tiên 10%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thực hiện không đúng cam kết trả nợ là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 466 BLDS 2015 nên quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm. Do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án thực hiện các biện pháp cấp, tống đạt, thông báo và triệu tập hợp lệ cho bị đơn tham gia tố tụng nhưng bị đơn không tham gia và cũng không có ý kiến phản hồi gì, vắng mặt tại các phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn

Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ vay tổng cộng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2021) là 267.701.319 đồng; trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 5.227.397 đồng; tiền lãi quá hạn 38.392.329 đồng, lãi phạt 24.081.593 đồng và tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi trả xong nợ.

[4] Đối với tài sản thế chấp: Khi vay ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 12313 và 12313đ, tờ bản đồ số 63 tại thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 545197 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/9/2002 theo hợp đồng thế chấp số DAL.BĐCN.463.301117 ngày 04/12/2017. HĐXX xét thấy việc thế chấp là hợp pháp, do đó nếu sau khi ông Th và bà Q trả đủ toàn bộ số tiền vay nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Thảo và bà Quý bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên được quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 1 Điều 322 BLDS năm 2015. Trường hợp ông Th và bà Q không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất và lãi suất phát sinh thì theo quy định tại khoản 5 Điều 323, Điều 327 BLDS năm 2015 thì tài sản thế chấp là thửa đất số 12313 và 12313đ, tờ bản đồ số 63 tại thôn 08, xã E, huyện C được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

[5] Đối với việc mua, bán đất giữa ông Trần Đình T và bà Thái Thị Đ với ông Trịnh Hữu T và bà Dương Thị N do không có yêu cầu gì nên không xem xét, nếu đương sự có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí và tạm ứng án phí:

[6.1] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 267.701.319 x 5% = 13.385.000 đồng.

[6.2] Về tam ứng án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại 5.429.559 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0011025 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[7] Về chi phí tố tụng khác:

[7.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[7.2] Đối với chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn và kết luận giám định là có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 5.250.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi theo

phiếu thanh toán của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[7.3] Đối với chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông: Nguyên đơn là người yêu cầu đăng tin tìm kiếm và thông báo nên phải chịu số tiền 3.020.000đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 07/7/2021 của báo Công Lý, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/6/20201của Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh và phí chuyển tiền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158; 160, 161, 162, 203; 220; 227; 228; 235; 266; 271; 273; 385 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều từ 317 đến 323; 327; 463; 466; 500; 501 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 luật các tổ chức Tín dụng năm 2010. Điều 27; 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

- Buộc ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2021) là **267.701.319** đồng *(hai trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn ba trăm mười chín đồng)*; trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn 5.227.397 đồng *(năm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng)*; tiền lãi quá hạn 38.392.329 đồng *(ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)*, lãi phạt 24.081.593 đồng *(hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi ba đồng)*.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Th và bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa

án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đối với tài sản thế chấp:

- Sau khi ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q trả đủ toàn bộ số tiền nợ vay và tiền lãi suất phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Th và bà Q bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 545197 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/9/2002.

- Trường hợp ông Th và bà Q không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất và lãi suất phát sinh thì tài sản thế chấp là thửa đất số 12313 và 12313đ, tờ bản đồ số 63 tại thôn 08, xã E, huyện Cư K theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 545197 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/9/2002 được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

3. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Đối với tiền án phí: Ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q phải chịu 13.385.000 đồng *(mười ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Đối với tiền tạm ứng án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần A được nhận lại 5.429.559 đồng *(năm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn năm trăm năm mươi chín đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0011025 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí tố tụng khác:

- Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Đối với chi phí giám định: Buộc ông Trịnh Hữu Th và bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 5.250.000 đồng *(năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền chi phí giám định.

- Đối với chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông: Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải chịu số tiền 3.020.000 đồng *(ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)* chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông, khấu trừ 3.020.000 đồng *(ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)* Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 07/7/2021 của báo Công Lý, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/6/20201 của Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh và phí chuyển tiền. Ngân hàng đã nộp xong tiền chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Cường